

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2026/HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thùy Linh;

Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Vương Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 723/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hiếu N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số F, tổ C, khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Thanh M, sinh năm 1988; địa chỉ: Số F, tổ C, khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Phạm Thị Hiếu N trình bày:

Bà và ông Hồ Thanh M tự nguyện, tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 26/3/2013. Vợ chồng sống hạnh

phúc đến cuối năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau, không còn tiếng nói chung, ông M nhiều lần xúc phạm và không tôn trọng bà, ông M hăm dọa bà nhiều lần dẫn đến vợ chồng không còn muốn nói chuyện với nhau, bà đã cho ông M cơ hội để sửa chữa nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Hồ Thanh M.

Về con chung: Có 03 người: Hồ Phạm Thanh V, sinh ngày 04/9/2014; Hồ Phạm Gia K, sinh ngày 12/11/2015 và Hồ Phạm Gia H, sinh ngày 29/10/2018, bà yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Bị đơn ông Hồ Thanh M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, ông M thống nhất như bà N trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, bà N đi đâu và làm gì không báo cho ông biết, ông quan tâm hỏi thăm nhưng bà N không nói dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong lúc nóng giận ông có hăm dọa bà N nhưng sau khi sự việc xảy ra thì ông có xin lỗi và xin cơ hội hàn gắn nhưng bà N không đồng ý. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ thương con.

Về con chung: Có 03 người: Hồ Phạm Thanh V, sinh ngày 04/9/2014; Hồ Phạm Gia K, sinh ngày 12/11/2015 và Hồ Phạm Gia H, sinh ngày 29/10/2018; nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao 03 con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Hiếu N đối với ông Hồ Thanh M về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hiếu N được ly hôn với ông Hồ Thanh M.
- Về con chung: Giao các con chung: Hồ Phạm Thanh V, sinh ngày 04/9/2014; Hồ Phạm Gia K, sinh ngày 12/11/2015 và Hồ Phạm Gia H, sinh ngày 29/10/2018 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Bà N, ông M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.
- Về nợ chung: Bà N, ông M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N yêu cầu ly hôn với ông M và bị đơn là ông M có nơi cư trú tại: khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 338 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông M kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 26/3/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày là vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau, không còn tiếng nói chung, ông M nhiều lần xúc phạm và không tôn trọng bà, ông M hăm dọa bà nhiều lần dẫn tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, bà đã cho ông M cơ hội để sửa chữa nhưng ông M vẫn không thay đổi.

Ông M không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên cuộc sống hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông M theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà N và ông M có 03 con chung: Hồ Phạm Thanh V, sinh ngày 04/9/2014; Hồ Phạm Gia K, sinh ngày 12/11/2015 và Hồ Phạm Gia H, sinh ngày 29/10/2018. Các con chung đều có nguyện vọng sống với bà N và bà N có nguyện vọng nuôi con chung và ông M cũng đồng ý cho bà N nuôi con nên cần giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm sự ổn định về nơi ở, môi trường sống cũng như điều kiện chăm sóc, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Hiếu N đối với ông Hồ Thanh M về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà N được ly hôn với ông M.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Phạm Thanh V, sinh ngày 04/9/2014; Hồ Phạm Gia K, sinh ngày 12/11/2015 và Hồ Phạm Gia H, sinh ngày 29/10/2018

cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N và ông M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009338 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về Thời hạn kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND KV10;
- THADS KV10;
- UBND xã/phường nơi KH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng